

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **583/2024/DS-PT**

Ngày: 20 - 11 - 2024

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lương

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Bà Nguyễn Thị Rên

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thảo Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Có - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 350/2024/TLPT-DS ngày 09 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 206/2024/DS-ST ngày 05/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 4169/2024/QĐ-PT ngày 25/10/2024; Quyết định hoãn số 4396/2024/QĐ-PT ngày 07/11/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Hoài P, sinh năm: 1986; địa chỉ: 4 ấp L, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

- *Bị đơn:*

1. Bà Nguyễn Trúc L, sinh năm: 1973; địa chỉ: khu phố D, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (bà Nguyễn Trúc L): Bà Trần Thị Ngọc Như Ý, sinh năm: 1992; địa chỉ: số C, ấp M, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

2. Ông Phan Vĩnh N, sinh năm: 1975; địa chỉ: khu phố D, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre. (Đã tổng đạt hợp lệ 2 lần, vắng mặt)

- *Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Trúc L.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, văn bản trình bày ý kiến, biên bản hòa giải, biên bản phiên họp và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Hoài P trình bày:

Bà P có cho bà Nguyễn Trúc L cùng chồng là ông Phan Vĩnh N mượn tổng số tiền là 1.300.000.000 đồng (một tỷ ba trăm triệu đồng), cho mượn 03 lần, cụ thể như sau:

1/ Lần 1: Ngày 20/5/2019, bà L và ông N mượn số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng), không tính lãi, thời hạn mượn tiền là 10 ngày, mục đích mượn tiền là để mua sầu riêng trái đóng hàng xuất khẩu đi Trung Quốc.

2/ Lần 2: Ngày 10/6/2019, bà L và ông N mượn số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng), không lãi suất, thời hạn mượn tiền là 10 ngày.

3/ Lần 3: Ngày 19/10/2019, bà L và ông N mượn số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), không lãi suất, hẹn vài ngày sau sẽ trả.

Việc bà P cho mượn tiền hai bên có làm giấy nợ do tự bà L viết và ký tên, bà P giao tiền mặt cho bà L 02 lần, lần sau cùng mượn 300.000.000 đồng có bà L và ông N cùng đến nhà của bà để nhận tiền. Sau khi đến hạn trả nợ bà P có nhiều lần liên hệ yêu cầu bà L, ông N trả nợ tuy nhiên bà L, ông N chỉ hứa mà không thực hiện.

Đến ngày 11/5/2023 bà P khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách yêu cầu giải quyết nợ thì bà L, ông N có trả cho bà P được số tiền 250.000.000 đồng và xin trả dần số tiền còn lại, do vậy bà P đã rút đơn khởi kiện tại Tòa. Hai bên có tự làm giấy cam kết đề ngày 30/5/2023 với nội dung là bà L sẽ trả dần hàng tháng vào ngày 07 (dương lịch) với số tiền là 20.000.000 đồng cho đến khi tất nợ; nếu bà L vi phạm thì bà P sẽ khởi kiện tại tòa yêu cầu trả hết một lần đối với số tiền còn lại.

Sau khi ký cam kết thì bà L có thực hiện trả cho bà P mỗi tháng 20.000.000 đồng, thời gian thực hiện được 07 tháng nhưng mỗi tháng đều có vi phạm về thời gian, không tháng nào trả tiền đúng ngày. Số tiền gốc mà bà L, ông N còn nợ là 910.000.000 đồng (chín trăm mười triệu đồng). Từ tháng 02 năm 2024 đến nay thì bà L, ông N đã vi phạm thỏa thuận, không thực hiện chuyển tiền cho bà P như thỏa thuận.

Bà P yêu cầu bà L, ông N có trách nhiệm liên đới trả lại cho bà số tiền gốc là 910.000.000đ (chín trăm mười triệu đồng); yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng, kể từ ngày 30/5/2023 đến ngày 30/3/2024, tiền lãi tạm tính là: $910.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 10 \text{ tháng} = 75.530.000 \text{ đồng}$ (bảy mươi lăm triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng). Từ ngày 30/3/2024 trở về sau bà P không yêu cầu tính lãi.

Tổng cộng tiền gốc và lãi tạm tính là 985.530.000 đồng (chín trăm tám mươi lăm triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng).

Trong bản tự khai, biên bản hòa giải, biên bản phiên họp, văn bản trình bày ý kiến và xin vắng mặt tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (bà Nguyễn Trúc L) là bà Trần Thị Ngọc Như Ý trình bày:

Do quen biết nên bà L có hỏi vay tiền của bà P nhiều lần, cụ thể:

1/ Ngày 20/5/2019, vay số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng), lãi suất 6%/ tháng.

2/ Ngày 10/6/2019, vay số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng), lãi suất 6%/tháng.

3/ Ngày 19/10/2019, bà L vay thêm 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng), lãi suất 6%/tháng.

Tổng số tiền bà L đã vay của bà P là 1.300.000.000 đồng (một tỷ ba trăm triệu đồng).

Việc vay có lập thành biên nhận do bà L tự lập và ký tên. Số tiền này là bà L đứng ra vay dùm người em bà con ruột của bà trong lúc khó khăn nên chồng của bà L là ông Phan Vĩnh N không biết.

Sau khi vay tiền, bà L đã đóng lãi đầy đủ cho bà P và trả được cho bà P 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) tiền nợ gốc. Số tiền còn lại là 1.200.000.000 đồng (một tỷ hai trăm triệu đồng). Tháng 5/2023, bà P khởi kiện bà L đến Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách để yêu cầu trả tiền. Ngày 7/6/2023, giữa bà L và bà P có thỏa thuận về việc giải quyết vụ án. Theo đó, bà L sẽ trả cho bà P số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng). Số tiền gốc còn nợ là 1.050.000.000 đồng (một tỷ không trăm năm mươi triệu đồng) bà L sẽ trả dần mỗi tháng là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) vào ngày 07 (dương lịch) hàng tháng đến khi tất nợ, đồng thời bà P sẽ rút lại đơn khởi kiện tại Tòa án. Việc thỏa thuận này có lập thành Giấy cam kết do bà L ký nhận.

Sau khi bà P rút đơn, bà L đã thực hiện việc trả nợ gốc cho bà P từ ngày 7/7/2023 đến 07/01/2024 tổng số tiền là 140.000.000 đồng (một trăm bốn mươi triệu đồng) thì gặp khó khăn nên chậm đóng cho bà P theo thỏa thuận. Số nợ gốc còn lại là 910.000.000 đồng (chín trăm mười triệu đồng). Sau đó bà L đã nhờ bạn bà đưa tiền lãi cho bà P 02 tháng chậm đóng bà P đã nhận rồi.

Ngày 12/4/2024, bà L chuyển 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) cho bà P, tuy nhiên bà P chuyển trả lại với lý do là hơn 3 tháng bà L không đóng lãi và khởi kiện tại Tòa án.

Nay đối với số tiền nợ gốc 910.000.000 đồng (chín trăm mười triệu đồng) theo yêu cầu khởi kiện của bà P, bà L thừa nhận vẫn còn nợ số tiền nợ gốc này và đồng ý tự mình trả nợ cho bà P theo như cam kết đã thỏa thuận. Cụ thể bà xin được trả cho bà P mỗi tháng 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) đến khi tất nợ, không đồng ý trả một lần cho bà P lý do bà L không vi phạm theo cam kết giữa hai bên. Bà L không đồng ý trả lãi theo yêu cầu của bà P.

Tại văn bản trình bày ý kiến và xin vắng mặt đề ngày 05/8/2024, bị đơn là ông Phan Vĩnh N trình bày: Ông không đồng ý với yêu cầu liên đới trả nợ cùng bà L, ông không biết việc tiền bạc qua lại giữa bà P và bà L, không có yêu cầu vay mượn tiền của bà P. Các giấy nợ do bà P cung cấp không có chữ ký mượn nợ của ông, ông không biết gì về khoản nợ này, bà P không chứng minh được việc đã giao số tiền vay cho ông cùng với bà L. Việc ông chuyển tiền cho bà P là có thật, nhưng đây là

những khoản tiền bà L nhờ ông chuyển cho bà P, bà L không có nói gì với ông việc mượn nợ của bà P.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 206/2024/DS-ST ngày 05/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre quyết định:

Căn cứ vào Điều 466, 468 của Bộ luật dân sự; các điều 5, 147, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Hoài P đối với bị đơn là bà Nguyễn Trúc L và ông Phan Vĩnh N.

Buộc bị đơn là bà Nguyễn Trúc L và ông Phan Vĩnh N có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Hoài P số tiền nợ gốc là 910.000.000 đồng (chín trăm mười triệu đồng).

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Hoài P đối với số tiền lãi là 75.530.000 đồng (bảy mươi lăm triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 12/8/2024, bị đơn bà Nguyễn Trúc L kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm số 206/2024/DS-ST ngày 05/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo hướng không buộc ông Phan Vĩnh N (chồng bà L) phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cho bà P và tuyên cho bà L trả số nợ gốc 910.000.000 đồng cho bà P theo cam kết ngày 07/6/2023

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Trúc L là bà Trần Thị Ngọc Như Ý giữ nguyên nội dung yêu cầu kháng cáo.

Các bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung:

Căn cứ vào nội dung kháng cáo cũng như tình hình diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm, bên kháng cáo không cung cấp những chứng cứ, tài liệu để chứng minh cho quyền và nghĩa vụ của mình về nội dung kháng cáo nên không có cơ sở xác nhận kháng cáo của phía bị đơn bà Nguyễn Trúc L. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Trúc L; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 206/2024/DS-ST ngày 05/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; xét kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Trúc L, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Trúc L kháng cáo và gửi thủ tục kháng cáo hợp lệ trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung:

[1] Xét kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Trúc L về phần không buộc ông Phan Vĩnh N (chồng bà L) phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cho bà P, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bản án sơ thẩm buộc ông Phan Vĩnh N có nghĩa vụ liên đới cùng bà L trả nợ cho bà P nhưng ông N không kháng cáo. Trong khi đó, bà L kháng cáo với nội dung yêu cầu không buộc ông N liên đới trả nợ với bà L, đây là quyền tự định đoạt của ông N nhưng ông N không thực hiện. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét nội dung kháng cáo trên của bà L.

[2] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Trúc L về nội dung tuyên cho bà được trả số nợ 910.000.000 đồng cho bà P theo cam kết ngày 07/6/2023:

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày trả số nợ 910.000.000 đồng theo cam kết ngày 07/6/2023 là bà L sẽ trả cho bà P số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng), số tiền gốc còn nợ là 1.050.000.000 đồng (một tỷ không trăm năm mươi triệu đồng) bà L sẽ trả dần mỗi tháng là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) vào ngày 07 (dương lịch) hàng tháng đến khi tất nợ, đồng thời bà P sẽ rút lại đơn khởi kiện tại Tòa án. Thêm vào đó, trong bản cam kết đề ngày 30/5/2023 có ghi: *“Chị Nguyễn Trúc L cam kết sẽ trả dần hàng tháng vào ngày 07 (dương lịch) với số tiền là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) vào mỗi tháng cho đến khi tất nợ...Nếu chị Nguyễn Trúc L không trả đúng hạn thì Hoài P sẽ tiếp tục khởi kiện buộc chị Nguyễn Trúc L sẽ trả một lần hết phần tiền còn lại”*. Căn cứ vào nội dung giao dịch chuyển khoản được in trong 07 tờ giấy A4 do bà P cung cấp và bản kê chi tiết giao dịch tài khoản của bà P do ngân hàng cung cấp thì bà L đã trả nợ không đúng ngày thỏa thuận. Do bà L vi phạm nghĩa vụ vì vậy nguyên đơn yêu cầu trả nợ một lần là có cơ sở. Nội dung kháng cáo này phía bị đơn cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3] Từ những phân tích trên, nhận thấy bản án sơ thẩm đã tuyên là có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Trúc L là có cơ sở. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 206/2024/DS-ST ngày 05/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Trúc L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Trúc L.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm 206/2024/DS-ST ngày 05/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào Điều 466, 468 của Bộ luật dân sự; các điều 5, 147, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Hoài P đối với bị đơn là bà Nguyễn Trúc L và ông Phan Vĩnh N.

Buộc bị đơn là bà Nguyễn Trúc L và ông Phan Vĩnh N có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Hoài P số tiền nợ gốc là 910.000.000 đồng (chín trăm mười triệu đồng).

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Hoài P đối với số tiền lãi là 75.530.000 đồng (bảy mươi lăm triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Bà Nguyễn Thị Hoài P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà P số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 20.783.000 đồng (Hai mươi triệu, bảy trăm tám mươi ba nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000795 ngày 23 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre;

3.2. Bà Nguyễn Trúc L và ông Phan Vĩnh N có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 39.300.000 đồng (Ba mươi chín triệu, ba trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Hoài P có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà Nguyễn Trúc L và ông Phan Vĩnh N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận bà Nguyễn Trúc L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0003281 ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Chi cục Thi hành án

dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre. Bà Nguyễn Trúc L đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Ngọc Dũng

Nguyễn Thị Rên

Nguyễn Hữu Lương

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- TAND huyện Chợ Lách (1b);
- Chi cục THADS huyện Chợ Lách (1b);
- Các đương sự (3b);
- Phòng KTNV&THAHS tỉnh Bến Tre (2b);
- Lưu hồ sơ vụ án (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Lương